|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Zalo | Gmail | SĐT |
| 1 | Hồ Minh Phương | anita.ho010190@gmail.com | 0973323349 |
| 2 | Yen Chi  | ntychi72@gmail.com | 0907038817 |
| 3 | Trần Thị Thương | tranthithuong.c23xuantruong@gmail.com | 0349821760 |
| 4 | Ánh Hồng  | anhhong090491@gmail.com | 0836975234 |
| 5 | Le Lan | vinhthanh1206@gmail.com | 0982704426 |
| 6 | Huỳnh Phước Mai | huynhphuocmai@gmail.com | 0901239983 |
| 7 | Huệ Vũ | vuthihue183@gmail.com | 0372139974 |

|  |  |
| --- | --- |
| Trường: ………………………… | Họ và tên giáo viên: |
| Tổ: …………………………… |  ………………………………………….. |

**BÀI : ÔN TẬP CHƯƠNG 6**

Môn Sinh học; Lớp: 12

Thời gian thực hiện: 01 tiết

**I. MỤC TIÊU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **MÃ HOÁ** |
| **1. Về năng lực*****a. Năng lực sinh học*** |
| *Nhận thức sinh học* | Tìm được từ khoá và sử dụng được thuật ngữ khoa học để kết nối thông tin theo logic có ý nghĩa trong việc xây dựng sơ đồ hệ thống hoá kiến thức về môi trường và quần thể sinh vật. | SH 1.8.1 |
| Sử dụng được các hình thức ngôn ngữ biểu đạt khác nhau để hoàn thành các bài tập ôn tập Chương 6. | SH 1.8.2 |
| *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học* | Vận dụng những hiểu biết về môi trường và quần thể sinh vật để giải thích được những hiện tượng thường gặp trong đời sống. | SH 3.1 |
| ***b. Năng lực chung***  |
| *Tự chủ và tự học* | Tự nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình học tập các nội dung về môi trường và quần thể sinh vật; biết tự điều chỉnh cách học tập môn Sinh học cho phù hợp.  | TCTH 6.3 |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Lựa chọn được hình thức làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập. | GTHT 3 |
| *Giải quyết vấn đề và sáng tạo* | Nêu được ý tưởng mới trong việc hệ thống hoá kiến thức về môi trường và quần thể sinh vật. | VĐST 3 |
| **2. Về phẩm chất** |
| *Chăm chỉ* | Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn khi học tập về môi trường và quần thể sinh vật. | CC 1.1 |
| *Trách nhiệm* | Có ý thức trong quá trình hoạt động nhóm, hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ được phân công | TN1.1 |
| *Trung thực* | Có ý thức báo cáo chính xác, khách quan về kết quả đã làm | TT1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Giáo viên:**

- Sơ đồ tư duy hệ thống hoá kiến thức chương 6.

- Bộ câu hỏi có nội dung về môi trường và quần thể sinh vật

- Phiếu học tập

- Máy tính, máy chiếu.

- Công cụ đánh giá.

**2. Học sinh**

- Giấy roki khổ A0, bút lông

- Thiết bị (máy tính, điện thoại) có kết nối internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU (10 phút)

**a. Mục tiêu:**

 - Tạo không khí thoải mái, hứng thú, giúp học sinh ôn lại những kiến thức chương 6.

- Xác định được nhiệm vụ học tập

**b. Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ :**

- GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi lật mảnh ghép bằng cách trả lời các câu hỏi có trong các mảnh ghép.

- Bộ câu hỏi trong trò chơi mảnh ghép:

**Câu 1.** Nhân tố nào là nhân tố sinh thái hữu sinh?

1. Độ ẩm.
2. Ánh sáng.
3. Nhiệt độ.
4. Vật ăn thịt.

**Câu 2.** Ở một quần thể cá chép trong một hồ cá tự nhiên, sau khi khảo sát thì thấy có 10% cá thể ở tuổi trước sinh sản, 40% cá thể ở tuổi đang sinh sản, 50% cá thể ở tuổi sau sinh sản. Kết luận nào sau đây là đúng về quần thể này?

1. Quần thể đang có xu hướng tăng số lượng cá thể.
2. Quần thể thuộc dạng đang suy thoái.
3. Quần thể thuộc dạng đang phát triển.
4. Quần thể có cấu trúc tuổi ổn định.

**Câu 3.** Theo dõi về giới hạn chịu nhiệt của cá chép và cá rô phi ở Việt Nam, người ta thu được bảng số liệu sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loài | Điểm chết dưới (0C) | Điểm cực thuận(0C) | Điểm chết trên (0C) |
| Cá chép | 2 | 28 | 44 |
| Cá rô phi | 5,6 | 30 | 42 |

Mỗi nhận định sau đây là đúng hay sai?

1. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của cá chép là 2 – 440C.
2. Giới hạn sinh thái về nhiệt độ của cá rô phi là 5,6 – 420C.
3. Cá chép có vùng phân bố rộng hơn cá rô phi.
4. Cá rô phi có vùng phân bố rộng hơn cá chép.

**Câu 4.** Khi đánh bắt cá tại một quần thể ở ba thời điểm, thu được tỉ lệ như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thời điểm | I | II | III |
| Trước sinh sản | 55% | 42% | 20% |
| Đang sinh sản | 30% | 43% | 45% |
| Sau sinh sản | 15% | 15% | 35% |

Mỗi nhận xét sau đây là đúng hay sai?

A. Tại thời điểm I quần thể đang ở trạng thái phát triển.

B. Tại thời điểm II có thể tiếp tục đánh bắt với mức độ vừa phải.

C. Tại thời điểm III có thể tiếp tục đánh bắt.

D. Tại thời điểm I có thể tiếp tục đánh bắt.

**Câu 5.** Cho các yếu tố/cấu trúc/sinh vật sau đây: (1) Vi khuẩn; (2) cây cỏ; (3) Cá; (4) Đất; (5) Gió; (6) Hơi ấm; (7) Chim làm tổ trên cây. Có bao nhiêu yếu tố kể trên là yếu tố vô sinh?

**Câu 6.** Cho các nhân tố sau:

 (1) Sự cạnh tranh giữa các cá thể trong cùng quần thể.

(2) Số lượng kẻ thù ăn thịt trong một quần xã.

(3) Sức sinh sản và mức độ tử vong của quần thể.

(4) Sự phát tán của các cá thể trong quần thể.

(5) Nhiệt độ, độ ẩm và ánh sáng.

Có bao nhiêu nhân tố sinh thái được coi là nhân tố phụ thuộc vào mật độ quần thể?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Giáo viên mời bất kì một học sinh lật 1 mảnh ghép.

- Tất cả hs suy nghĩ, thảo luận với bạn bên cạnh đưa ra câu trả lời.

- Giáo viên hỗ trợ, gợi ý học sinh khi cần thiết.

**Bước 3: Báo cáo – Thảo luận:**

- Giáo viên gọi 1 học sinh bất kì trả lời, các học sinh khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Kết luận – Nhận định:**

- Giáo viên nhận xét, kết luận câu trả lời của học sinh.

- Giáo viên dẫn dắt vào nội dung bài ôn tập chương 6

 **\* Đáp án**

**Câu 1. D**

**Câu 2. B**

Tỷ lệ trước sinh sản thấp, tỷ lệ sau sinh sản cao → quần thể thuộc dạng đang suy thoái

**Câu 3.** Các nhận xét đúng A, B, C

D sai vì Cá chép có giới hạn chịu nhiệt rộng hơn 2 – 440C

**Câu 4.** Các nhận xét đúng là : A, B, C

D sai vì: thời điểm I quần thể có nhiều cá nhỏ, nếu tiếp tục đánh bắt sẽ làm ảnh hưởng tới quần thể.

**Câu 5.** Có 3 nhân tố: đất, gió, hơi ấm

**Câu 6.** Có 4 nhân tố

Các nhân tố phụ thuộc mật độ quần thể là (1) (2) (3) (4)

Các nhân tố sinh thái sinh không phụ thuộc vào mật độ (5)

 HOẠT ĐỘNG 2. LUYỆN TẬP (20 phút)

**Hoạt động 1. Hệ thống hóa kiến thức**

**a. Mục tiêu:** SH 1.8.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1; TN1.1; TT1.

**b.** **Tổ chức hoạt động:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

- Giáo viên giao nhiệm vụ cho học sinh từ tiết trước hoặc qua zalo để các nhóm thực hiện vẽ Sơ đồ tư duy (SĐTD) ở nhà.

- Giáo viên chia lớp thành 4 nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm, yêu cầu các nhóm nghiên cứu kiến thức trong SGK và bảng hệ thống kiến thức ôn tập chương 6 thảo luận vẽ sơ đồ tư duy (SĐTD) hệ thống hóa kiến thức vào giấy A0.

- Nhóm 1: Vẽ SĐTD về môi trường sống và các nhân tố sinh thái.

- Nhóm 2: Vẽ SĐTD về khái niệm quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể.

- Nhóm 3: Vẽ SĐTD về các đặc trưng cơ bản của quần thể.

- Nhóm 4: Vẽ SĐTD về tăng trưởng của quần thể.

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.

- Định hướng, giám sát, hỗ trợ hoạt động nhóm tại nhà qua zalo.

- Chia sẻ 1 số SĐTD cho các nhóm tham khảo qua zalo.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- Đại diện các nhóm lên trình bày SĐTD

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung, chấm điểm vào công cụ đánh giá 1.

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

Giáo viên nhận xét sản phẩm và nội dung trình bày của các nhóm và đưa ra đáp án chính xác, rồi kết luận hệ thống hóa kiến thức chương 6 qua SĐTD.

**Hoạt động 2. Hướng dẫn giải bài tập (15 phút)**

**a. Mục tiêu:**  SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; GTHT 3; VĐST 3; CC 1.1; TN1.1; TT1.

**b.** **Tổ chức hoạt động:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

Giáo viên giao nhiệm vụ cho các nhóm thảo luận giải các bài tập 1,2,3 SGK trang 146 theo mẫu phiếu học tập (phụ lục).

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- Học sinh thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập.

- GV định hướng, giám sát, hỗ trợ các nhóm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

- Học sinh nhận công cụ đánh giá, chụp ảnh phiếu học tập của nhóm chấm điểm.

- Đại diện học sinh các nhóm trả lời câu hỏi bài tập 1,2,3 theo yêu cầu của giáo viên, dựa vào PHT của nhóm đã thảo luận.

- Các nhóm khác nhận xét, góp ý.

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

‒ GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS.

- Giáo viên chiếu đáp án các bài tập 1,2,3 (phụ lục).

 HOẠT ĐỘNG 2. VẬN DỤNG (5 phút)

**a. Mục tiêu:** SH 1.8.2; SH 3.1; TCTH 6.3; CC 1.1.

**b.** **Tổ chức hoạt động:**

***\* Giao nhiệm vụ học tập:*** GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để thực hiện các câu hỏi theo mẫu Phiếu học tập số 2.

***\* Thực hiện nhiệm vụ:*** HS trả lời câu hỏi và nộp bài theo yêu cầu của GV.

***\* Báo cáo, thảo luận:*** HS trình bày nội dung trả lời các câu hỏi được
yêu cầu.

***\* Kết luận, nhận định:***

‒ GV nhận xét, chỉnh sửa câu trả lời cho các nhóm.

**IV. PHỤ LỤC:**

**1. Phiếu học tập**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**Nhóm .................. Lớp................Họ tên các thành viên trong nhóm:.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| **Câu 1.** Nhiều loại thực vật (thông, linh xam ...) thường có đặc điểm là lá nhỏ, tiêu giảm hoặc biến thành gai. Sự biến đổi về mặt hình thái này có ý nghĩa gì đối với thực vật khi sống ở nơi có nhiệt độ lạnh?Đáp án:........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |
| **Câu 2.** Hiện nay, ở nhiều tỉnh thành của nước ta đang áp dụng kĩ thuật nuôi cá lóc đồng (*channastriata*) trong bể xi măng mang lại năng suất cao. Trong kĩ thuật này các bể xi măng (hình vuông hoặc hình chữ nhật được xây dựng có diện tích lớn (20 – 60 m2), cao từ 0.8 – 1 m; môi trường nước đảm bảo các điều kiện về nhiệt độ, độ PH, nồng độ muối và hàm lượng oxy – gen hòa tan thuận lợi cho cá sinh trưởng và phát triển, đáy bể nghiêng từ 3 – 50 để dễ dàng thay nước. Mật độ thả cá thích hợp tối thiểu là 60 con/1m2 tối đa là 100 con/1 m2.a. Bể xi măng được xây dựng với diện tích lớn có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động sống của cá? Việc thay nước trong bể trong quá trình nuôi cá có tác dụng gì?b. Việc đảm bảo mật độ cá thể trong bể nuôi nhằm mục đích gì?c. Sau khi thả cá lóc vào bể xi măng, người ta nhận thấy số lượng cá tăng nhanh trong thời gian đầu, sau đó chậm lại và càng về sau thì số lượng cá thể ít có sự biến động. Giải thích?Đáp án:.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................. |
| **Câu 3.** Quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏia. Xác định kiểu phân bố của các cá thể sinh vật?b. Kiểu phân bố của cây lúa có ý nghĩa như thế nào trong nông nghiệp?Đáp án:............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................ |

**2. Đáp án phiếu học tập.**

|  |
| --- |
| **GỢI Ý ĐÁP ÁN PHIẾU HỌC TẬP** |
| Câu 1. Nhiều loại thực vật (thông, linh xam ...) thường có đặc điểm là lá nhỏ, tiêu giảm hoặc biến thành gai. Sự biến đổi về mặt hình thái này có ý nghĩa gì đối với thực vật khi sống ở nơi có nhiệt độ lạnh?Đáp án:- Cây có lá nhỏ, lá tiêu giảm và biến thành gai giúp hạn chế tốc độ thoát hơi nước và tiết kiệm năng lượng, tránh cho nước trong tế bào lá bị đông cứng khi môi trường xung quanh có nhiệt độ quá thấp. |
| 2. Hiện nay, ở nhiều tỉnh thành của nước ta đang áp dụng kĩ thuật nuôi cá lóc đồng (channastriata) trong bể xi măng mang lại năng suất cao. Trong kĩ thuật này các bể xi măng (hình vuông hoặc hình chữ nhật được xây dựng có diện tích lớn (20 – 60 m2), cao từ 0.8 – 1 m; môi trường nước đảm bảo các điều kiện về nhiệt độ, độ PH, nồng độ muối và hàm lượng oxy – gen hòa tan thuận lợi cho cá sinh trưởng và phát triển, đáy bể nghiêng từ 3 – 50 để dễ dàng thay nước. Mật độ thả cá thích hợp tối thiểu là 60 con/1m2 tối đa là 100 con/1m2.a. Bể xi măng được xây dựng với diện tích lớn có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động sống của cá?Việc thay nước trong bể trong quá trình nuôi cá có tác dụng gì?b. Việc đảm bảo mật độ cá thể trong bể nuôi nhằm mục đích gì?c. Sau khi thả cá quả vào bể xi măng, người ta nhận thấy số lượng cá quả tăng nhanh trong thời gian đầu, sau đó chậm lại và càng về sau thì số lượng cá thể ít có sự biến động. Giải thích?Đáp án:a) - Bể xi măng được xây dựng với diện tích lớn giúp các có đủ không gian sống để phát triển, giảm sự canh tranh giữa các cá thể trong quần thể. - Việc thay nước trong bể trong quá trình nuôi cá giúp loại bỏ chất độc hại, tăng cường cung cấp oxygen cho cá, cũng như duy trì nồng độ muối và pH ổn định trong môi trường nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sự sinh trưởng và phát triển của cá.b) Đảm bảo mật độ cá thể trong bể nuôi nhằm mục đích điều chỉnh lượng thức ăn và oxy trong nước, ngăn chặn tình trạng cạnh tranh quá mức giữa các cá thể, giúp cải thiện chất lượng nước, và đảm bảo sự phát triển và sinh sản của cá một cách hiệu quả.c) Sau khi thả cá quả vào bể xi măng, số lượng cá quả tăng nhanh trong thời gian đầu do nguồn sống dư thừa giúp quần thể phát triển nhanh chóng, khi quần thể đạt kích thước tối đa sẽ dẫn tới cạnh tranh nguồn sống làm số lượng cá bị giảm, qua một vài thế hệ thì quần thể sẽ đạt tới trạng thái cân bằng và ít biến động. |
| 3. Quan sát hình 1 và trả lời các câu hỏiA group of trees in a forest  Description automatically generateda. Xác định kiểu phân bố của các cá thể sinh vật?b. Kiểu phân bố của cây lúa có ý nghĩa như thế nào trong nông nghiệp?Đáp án:a) Kiểu phân bố của các cá thể sinh vật:hình a, c: phân bố theo nhómhình b: phân bố đồng đềub) Ý nghĩa kiểu phân bố của cây lúa trong nông nghiệp: giảm mức độ cạnh tranh giữa các cá thể lúa trong quần thể, đảm bảo đủ nguồn sống để cây lúa có thể sinh trưởng và phát triển tốt. |

**3. Sơ đồ tư duy**









**4. Công cụ đánh giá**

**- Công cụ 1:** Thang đo đánh giá sơ đồ học tập (sơ đồ tư duy, sơ đồ hệ thống hoá,…).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Điểm tối đa | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |
| Nội dung đầy đủ | 3 |  |  |  |  |  |
| Nội dung chính xác | 3 |  |  |  |  |  |
| Trình bày khoa học, màu sắc hài hoà | 2 |  |  |  |  |  |
| Có tính sáng tạo | 2 |  |  |  |  |  |
| Tổng | 10 |  |  |  |  |  |

**- Công cụ 2:** Bảng đánh giá kết quả trả lời bài tập.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi/Bài tập | Đáp án | Điểmtối đa | Điểm HSđạt được |
| Câu 1 | … | 2 | … |
| Câu 2 | … | 2 | … |
|  | 1 |  |
|  | 2 |  |
| Câu 3 |  | 1 |  |
|  | 2 |  |
| Tổng |  | 10 |  |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**Nhóm:................Tên thành viên:......................................................................... |
| Câu 1: .......................................................................................................................................................................................................................................................... |
| Câu 2...........................................................................................................................................................................................................................................................  |
| Câu 3.......................................................................................................................................................................................................................................................  |